

Số: **2662**/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **18** tháng **6** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Golf thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND Thành phố quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4329/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Hội Golf thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Golf thành phố Hà Nội tại Văn bản số 14/2021/CV-HNGA ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1614/TTr-SNV ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Golf thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Golf thành phố Hà Nội, đã được Đại hội Khóa III, nhiệm kỳ 2021 - 2025 của Hội Golf thành phố Hà Nội thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2011 của UBND thành

phố Hà Nội Phê chuẩn Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Hội Golf thành phố Hà Nội, nhiệm kỳ 2010 - 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các sở: Nội vụ, Văn hóa và Thể thao; các sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Hội Golf thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND TP;
- PCT TT UBND TP: Lê Hồng Sơn;
- Công an Thành phố;
- VP UBND TP: PCVP Võ Tuấn Anh,
NC;
- Lưu: VT.

15576 - 4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Sơn

**ĐIỀU LỆ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Golf thành phố Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2662/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021
của UBND Thành phố về việc phê duyệt
Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Golf thành phố Hà Nội)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Golf thành phố Hà Nội.
2. Tên tiếng Anh: Hanoi Golf Association.
3. Tên viết tắt: HNGA.
4. Biểu tượng (logo): Hội có biểu tượng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Tôn chỉ: Hội Golf thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội tự nguyện của các công dân, tổ chức Việt Nam đang sinh sống, hoạt động hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội, yêu thích, tham gia tập luyện và thi đấu môn thể thao Golf; tuân thủ Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập là hội viên của Hội.
2. Mục đích: Hội Golf thành phố Hà Nội hoạt động không vì lợi nhuận, tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả nhằm rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể lực, nâng cao thành tích thi đấu môn thể thao Golf; góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô và đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được UBND Thành phố phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong phạm vi thành phố Hà Nội.
2. Hội hoạt động trong lĩnh vực môn thể thao Golf; là thành viên của Hiệp hội Golf Việt Nam; chịu sự quản lý nhà nước của Sở Văn hóa và Thể thao và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
5. Đại diện hội viên tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc Hội hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với điều lệ Hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh thì Hội quyết định thành lập pháp nhân và báo cáo UBND Thành phố, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

10. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội,

đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

6. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

Hội viên của Hội gồm: hội viên chính thức (hội viên cá nhân, hội viên tổ chức), hội viên liên kết và hội viên danh dự.

1. Hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: Là những công dân Việt Nam yêu thích môn thể thao Golf hoặc có hoạt động liên quan đến môn thể thao Golf, đang sinh sống hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Ban Chấp hành xem xét kết nạp thành hội viên chính thức.

b) Hội viên tổ chức: Là các tổ chức Việt Nam có hoạt động liên quan đến môn thể thao Golf (câu lạc bộ golf, sân golf, sân tập golf...), được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, có trụ sở chính đóng trên địa bàn thành phố Hà Nội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội, được Ban Chấp hành xem xét kết nạp thành hội viên chính thức.

2. Hội viên liên kết: Công dân, tổ chức Việt Nam chưa đủ điều kiện để trở thành hội viên chính thức của Hội, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tuân thủ Điều lệ Hội thì có thể được Ban Chấp hành xem xét kết nạp làm hội viên liên kết.

3. Hội viên danh dự: Cá nhân có nhiều thành tích, công lao đóng góp cho Hội Golf thành phố Hà Nội thì được Ban Chấp hành công nhận làm hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

10. Được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 11. Thủ tục gia nhập Hội, thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục gia nhập Hội:

Tổ chức, công dân Việt Nam muốn gia nhập Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Khi hội viên có nguyện vọng xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành nêu rõ lý do, Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định.

b) Hội viên hoạt động trái với pháp luật Việt Nam, trái với Điều lệ Hội, không chấp hành Nghị quyết, vi phạm các quy định của Hội thì Ban Chấp hành xem xét thi hành kỷ luật khai trừ hội viên ra khỏi Hội.

c) Việc hội viên ra khỏi Hội hoặc bị khai trừ ra khỏi Hội phải được thông báo cho toàn thể hội viên biết.

3. Tư cách hội viên bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Cá nhân bị mất quyền công dân;
- b) Cá nhân không còn mang quốc tịch Việt Nam;
- c) Hội viên cá nhân từ trần;
- d) Hội viên cá nhân mất tích (theo xác định của cơ quan có thẩm quyền);
- đ) Pháp nhân, tổ chức bị giải thể, bị phá sản.

4. Giao Ban Chấp hành quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự kết nạp hội viên, xoá tên hội viên phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Thường trực Hội.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn (nếu có).
6. Tổ chức cơ sở thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ mới; góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Báo cáo của Ban Kiểm tra và Báo cáo tài chính của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); quyết định việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

d) Các nội dung khác (nếu có);

đ) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Nghị quyết, quyết định của Đại hội có hiệu lực khi được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết thông qua.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực Hội; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký; bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, thành viên Ban Kiểm tra. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế hoạt động được Ban Chấp hành thông qua, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành 03 (ba) tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

đ) Trong trường hợp không tổ chức được cuộc họp Ban Chấp hành thì mọi quyết định của Ban Chấp hành sẽ được lấy ý kiến bằng văn bản (thư điện tử hoặc thư bảo đảm); quyết định của Ban Chấp hành có hiệu lực khi được trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Ban Chấp hành đồng ý thông qua.

e) Ủy viên Ban Chấp hành không tham dự cuộc họp Ban Chấp hành phải gửi văn bản thông báo lý do vắng mặt; nếu vắng mặt liên tục 03 (ba) kỳ họp hoặc 03 (ba) lần không tham gia cho ý kiến khi được Ban Chấp hành lấy ý kiến thì đương nhiên bị xóa tên trong danh sách Ban Chấp hành, đồng thời có trách nhiệm bàn giao lại công việc và tài sản, tài chính (nếu có) cho Ban Chấp hành.

Điều 15. Thường trực Hội

1. Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Trưởng ban Kiểm tra và Tổng Thư ký.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chỉ đạo Văn phòng Hội hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch mà Ban Chấp hành đã thông qua.

3. Nguyên tắc hoạt động của Thường trực Hội

a) Thường trực Hội hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Thường trực Hội họp 01 (một) tháng một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Thường trực Hội yêu cầu;

c) Các cuộc họp của Thường trực Hội là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Thường trực tham gia dự họp; Thường trực Hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Thường trực Hội quyết định;

d) Các Nghị quyết, Quyết định của Thường trực Hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành;

b) Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân, là chủ tài khoản của Hội, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Thường trực Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành

mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành;

c) Chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành; Thường trực Hội;

d) Thay mặt Ban Chấp hành ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Chủ tịch giới thiệu và được Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Hội.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 17. Tổng Thư ký

1. Tổng Thư ký do Chủ tịch giới thiệu và được Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành; là người trực tiếp điều hành hoạt động của Văn phòng và các cơ quan chuyên môn của Hội theo quy định của Điều lệ; Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành.

2. Tổng Thư ký được Chủ tịch Hội ủy quyền ký một số văn bản theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

3. Giúp Chủ tịch và Thường trực Hội chuẩn bị các văn bản, nội dung cho các cuộc họp Thường trực, cuộc họp Ban Chấp hành.

4. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Chủ tịch Hội và pháp luật về những nhiệm vụ được Chủ tịch Hội phân công phụ trách.

Điều 18. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu; số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Bầu Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có);

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, của Thường trực Hội, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

c) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn

1. Ban Chấp hành Hội căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ để xem xét, quyết định thành lập Văn phòng, các ban chuyên môn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Văn phòng do Tổng Thư ký điều hành; tổ chức và hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành; Văn phòng có quan hệ chặt chẽ với các ban chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ của Hội.

3. Trưởng ban chuyên môn do Ban Chấp hành đề nghị trong số các Ủy viên Ban Chấp hành, các Phó Trưởng ban chuyên môn do Trưởng ban đề nghị sau khi Thường trực Hội thông qua và Chủ tịch Hội ký quyết định.

4. Ban Chấp hành quy định cụ thể về nhiệm vụ, nhân sự, quy chế hoạt động của Văn phòng và các ban chuyên môn.

Điều 20. Tổ chức cơ sở thuộc Hội

1. Hội được thành lập các chi hội, phân hội, tổ hội thuộc Hội (gọi chung là tổ chức cơ sở thuộc Hội), hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Ban Chấp hành ban hành Quy chế làm việc của tổ chức cơ sở thuộc Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Các tổ chức cơ sở do Hội thành lập không có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP, HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 22. Giải thể Hội

1. Hội giải thể trong các trường hợp:

- a) Tự giải thể;
- b) Do cơ quan có thẩm quyền quyết định giải thể.

2. Hội tự giải thể khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Theo đề nghị và biểu quyết thông qua của trên 1/2 tổng số hội viên chính thức;
- b) Hết thời hạn hoạt động theo mục đích đăng ký thành lập.

3. Trình tự và thủ tục khi Hội tự giải thể thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

4. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

- a) Hội không hoạt động liên tục 12 (mười hai) tháng;
- b) Khi có Nghị quyết của Đại hội về việc Hội tự giải thể mà Ban Chấp hành Hội không chấp hành;
- c) Hoạt động của Hội vi phạm Hiến pháp và pháp luật.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 23. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

- a) Nguồn thu của Hội:
 - Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên.
 - Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
 - Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
 - Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có).
 - Các khoản thu hợp pháp khác.
- b) Các khoản chi của Hội:
 - Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.
 - Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc.
 - Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội và phù hợp với quy định của pháp luật.
 - Chi khen thưởng và các khoản chi cần thiết khác theo quy định của Ban Chấp hành và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội hoặc do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

- 1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
- 2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý tài chính, sử dụng tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét, hình thức kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 27. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội

1. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Ban Kiểm tra thực hiện việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đảm bảo theo quy định và báo cáo kết quả giải quyết với Ban Chấp hành. Quyền quyết định cao nhất thuộc về Ban Chấp hành.

3. Ban Chấp hành có trách nhiệm xây dựng Quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội phù hợp với Điều lệ Hội, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Golf thành phố Hà Nội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Golf thành phố Hà Nội gồm 08 (tám) Chương, 29 (hai mươi chín) Điều, đã được Đại hội nhiệm kỳ III Hội Golf thành phố Hà Nội thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được UBND Thành phố phê duyệt.

2. Điều lệ này thay thế Điều lệ Hội Golf thành phố Hà Nội được UBND Thành phố phê duyệt kèm theo Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2011 của UBND thành phố Hà Nội.

3. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Golf thành phố Hà Nội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.

